**THUYẾT MINH CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRỌNG ĐIỂM**

**VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH**

*(Ngày cập nhật: )*

1. **THÔNG TIN CHUNG**

**A1. Tên Chương trình nghiên cứu**

* Tên tiếng Việt:
* Tên tiếng Anh:

**A2. Tên nhóm nghiên cứu** *(ghi rõ hướng nghiên cứu của nhóm. Ví dụ: nhóm nghiên cứu vật liệu tiên tiến, nhóm nghiên cứu chính sách & quản lý, nhóm nghiên cứu về topo đại số,…)*

* Tên tiếng Việt:
* Tên tiếng Anh:

**A3. Trưởng nhóm nghiên cứu**

Học hàm, học vị, họ và tên:..................................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: .......................................

Cơ quan:……………………………………………………………………………………

Điện thoại: ...................................................Email: : ...........................................................

Định hướng nghiên cứu: …………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………..

**A4. Cơ quan chủ trì**

Tên cơ quan: .......................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng: ..........................................................................................................\

# B. CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

*(phần này cần bám sát hướng dẫn xây dựng chương trình trọng điểm nêu tại mục 4.1 và nội dung không quá 05 trang A4)*

**B1. Tổng quan**

………………………………………………………………………………………………….

**B2. Mục tiêu**

………………………………………………………………………………………………….

**B3. Nội dung**

………………………………………………………………………………………………….

**B4. Phương pháp**

………………………………………………………………………………………………….

**B5. Sản phẩm dự kiến & chỉ tiêu đánh giá**

1. Sản phẩm KH&CN

…………………………………………………………………………………...

1. Sản phẩm Sở hữu trí tuệ/Chuyển giao công nghệ

…………………………………………………………………………………..

1. Công bố quốc tế

…………………………………………………………………………………..

1. Đào tạo đội ngũ

…………………………………………………………………………………..

1. Phát triển bền vững

…………………………………………………………………………………...

**B6. Tính khả thi, kinh phí**

1. Tập hợp lực lượng (*khả năng thu hút cán bộ đầu ngành, tập hợp đội ngũ các nhà khoa học)*

……………………………………………………………………………………

1. Huy động kinh phí (*huy động các nguồn lực trong nước và quốc tế*)

……………………………………………………………………………………

1. Tổng kinh phí

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | **Tổng** |
| **Kinh phí** |  |  |  |  |  |  |

Dự toán chi tiết theo phụ lục đính kèm

1. **NHÓM NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC:** *(phần này cần bám sát hướng dẫn xây dựng chương trình trọng điểm nêu tại mục 4.2 và ghi rõ lĩnh vực đăng ký: lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, khoa học xã hội, ứng dụng)*

**C1. Kết quả hoạt động KH&CN của trưởng nhóm nghiên cứu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | | | | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2015** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Trung bình** | **Ghi chú** |
| 1 | **Ấn phẩm KH&CN** | Sách | Nhà xuất bản quốc tế | Sách chuyên khảo |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ1-SACH* |
| Sách tham khảo |  |  |  |  |  |  |
| Nhà xuất bản trong nước | Sách chuyên khảo |  |  |  |  |  |  |
| Sách giáo trình |  |  |  |  |  |  |
| Sách tham khảo/sách hướng dẫn, từ điển chuyên ngành |  |  |  |  |  |  |
| Tạp chí | Quốc tế | Thuộc Q1 |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ2-TC* |
| Thuộc Q2 |  |  |  |  |  |  |
| Thuộc Q3 |  |  |  |  |  |  |
| Thuộc Q4 và những tạp chí quốc tế còn lại khác |  |  |  |  |  |  |
| Trong nước | Thuộc DM tính điểm của HĐCDGS |  |  |  |  |  |  |
| Hội nghị  Quốc tế | | Lĩnh vực CNTT, Điện, Điện tử |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ3-HN* |
| Các lĩnh vực khác |  |  |  |  |  |  |
| Sản phẩm cứng | Sản phẩm mẫu (prototype), vật liệu, thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ,… ứng dụng phục vụ cộng đồng. | |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ4a-SPUD* |
| Sản phẩm KH&CN đã được thương mại hóa | |  |  |  |  |  |  |
| Sản phẩm mềm | Phản biện xã hội (đóng góp các chương trình/chính sách/phát biểu trao đổi trên báo chí v.v ) | |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ4b-PB* |
| 2 | **Giải thưởng KH&CN** | Quốc tế | | |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ5-GT* |
| Quốc gia | Cấp Nhà nước | |  |  |  |  |  |  |
| Cấp ĐHQG/Địa phương | |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Tài sản trí tuệ** | Đơn đăng ký được chấp nhận | | |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ6-TSTT* |
| Được cấp giấy chứng nhận đăng ký (đối với Quyền tác giả của phần mềm, Kiểu dáng công nghiệp, Thiết kế bố trí mạch tích hợp) | | |  |  |  |  |  |  |
| Được cấp bằng giải pháp hữu ích, Giống cây trồng | | |  |  |  |  |  |  |
| Được cấp bằng sáng chế | | |  |  |  |  |  |  |
| **Giá trị CGCN (triệu đồng)** | Trên 01 tỷ đồng | | |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ7-CGCN* |
| Từ 400 triệu – 01 tỷ đồng | | |  |  |  |  |  |  |
| Dưới 400 triệu đồng | | |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Số nhiệm vụ KH&CN** | Loại 1: gồm các đề tài độc lập, KC, KX, Nghị định thư cấp Nhà nước, A-ĐHQG, hợp tác quốc tế,… | | |  |  |  |  |  |  | *Biểu KQ8-DTDA*  *Chỉ liệt kê các nhiệm vụ KH&CN mà trưởng nhóm nghiên cứu tham gia với tư cách là chủ nhiệm* |
| Loại 2: gồm các đề tài nghiên cứu cơ bản, cấp tỉnh-thành, hợp tác quốc tế, hợp tác doanh nghiệp, Nafosted, đề án/dự án KH&CN, B-ĐHQG,… và/hoặc có tổng kinh phí từ 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng) | | |  |  |  |  |  |  |

**C2. Thành viên nhóm nghiên cứu**

1. **Danh sách thành viên chính nhóm nghiên cứu**

*(Đính kèm Lý lịch khoa học trong 05 năm gần nhất)*

1. **Danh sách nghiên cứu sinh & học viên cao học tham gia nhóm nghiên cứu trong 05 năm gần nhất**

**C3. Cơ sở vật chất/trang thiết bị hiện có để thực hiện hướng nghiên cứu của nhóm**

*(Liệt kê danh sách các PTN/các trang thiết bị cơ bản mà nhóm NC có thể sử dụng để thực hiện định hướng nghiên cứu)*

**C4. Hoạt động liên kết, hợp tác KHCN của nhóm nghiên cứu với tổ chức trong nước và quốc tế**

*(Liệt kê các ký kết hợp tác về KH&CN với các đơn vị trong và ngoài nước, các sản phẩm KHCN thông qua hợp tác nghiên cứu, đính kèm minh chứng)*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày ...... tháng ...... năm ....* | *Ngày ...... tháng ...... năm ....* |
| **Cơ quan chủ trì**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | **Trưởng nhóm nghiên cứu**  *(Họ tên và chữ ký)* |
| *Ngày ...... tháng ...... năm ....*  **Cơ quan chủ quản**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* | |

# PHỤ LỤC: GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

**Khoản 1: Tiền công lao động trực tiếp và thuê chuyên gia**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Tổng kinh phí** | **Từ ĐHQG** | **Từ nguồn huy động** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng hợp tiền công lao động trực tiếp |  |  |  | Bảng 1.1 |
| 2 | Tổng hợp tiền công thuê chuyên gia trong và ngoài nước |  |  |  | Bảng 1.2 |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |

**Bảng 1.1 Tổng hợp tiền công lao động trực tiếp**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Họ và tên** | **Hstcn[[1]](#footnote-1)**  **(1)** | **Số ngày**  **(2)** | **Tổng kinh phí**  **(3)=(1)\*(2)\*** **Lcs** | **Từ ĐHQG** | **Từ nguồn huy động** |
| 1 | Chủ nhiệm |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính;  Thư ký khoa học | 1… |  |  |  |  |  |
| 2…. |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên | ….. |  |  |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | |  |  |  |

**Bảng 1.2 Tổng hợp tiền công thuê chuyên gia trong và ngoài nước**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Nội dung công việc** | **Tổng kinh phí** | **Từ ĐHQG** | **Từ nguồn huy động** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | |  |  |  |

**Khoản 2: Vật tư**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Tổng**  **kinh phí** | **Từ ĐHQG** | **Từ nguồn huy động** |
| **I** | **Nguyên, vật liệu** |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| **II** | **Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **III** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |
| 1 | Than |  |  |  |
| 2 | Điện |  |  |  |
| 3 | Xăng, dầu |  |  |  |
| 4 | Nhiên liệu khác |  |  |  |
| 5 | Nước |  |  |  |
| **IV** | **Mua sách, tài liệu, số liệu** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |

**Khoản 3. Chi khác**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Tổng kinh phí** | **Từ ĐHQG** | **Từ nguồn huy động** |
| 1 | Điều tra, khảo sát thu thập số liệu |  |  |  |
| 2 | Tổ chức Hội thảo khoa học trong nước |  |  |  |
| 3 | Tổ chức Hội thảo khoa học ngoài nước/quốc tế |  |  |  |
| 4 | Tham dự Hội thảo khoa học trong nước |  |  |  |
| 5 | Tham dự Hội thảo khoa học ngoài nước |  |  |  |
| 6 | Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn |  |  |  |
| 7 | Quản lý phí *(Tối đa là 5% của tổng 03 khoản trên và không quá 200 triệu đồng)* |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |

**Khoản 4. Quản lý chung**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Tổng kinh phí** | **Từ ĐHQG** | **Từ nguồn huy động** |
| 1 | Quản lý chung *(Tối đa là 5% của tổng 03 khoản trên và không quá 200 triệu đồng)* |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH KẾT QUẢ**

**(Đóng thành quyển riêng)**

*(Tất cả các kết quả được liệt kê trong phụ lục phải có đầy đủ minh chứng đính kèm)*

*Biểu KQ1-SACH*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sách** | **Tên nhà xuất bản** | **Năm xuất bản** | **Tên các tác giả** | **Ghi chú** |
|
| **I. Nhà xuất bản ngoài nước** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| **II. Nhà xuất bản trong nước** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

*Biểu KQ2-TC*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Thông tin tạp chí** | | **Xếp hạng Q1, Q2, Q3, Q4 theo SCImago (\*)** | **Tên bài báo** | **Tên các tác giả** | **Tác giả chính** | **Tác giả thuộc VNU** | **Sản phẩm từ đề tài/ dự án** (chỉ ghi mã số đề tài/dự án) | **Thuộc lĩnh vực** | **Điểm IF** | **ISSN** |
| **Tên tạp chí** | **Vol, No, pp** |
| **I. Bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc danh sách SCI** | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II. Bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc danh sách SCI-Expanded** | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III. Bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc danh sách SSCI** | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV. Bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc danh sách ESCI/A&HCI** | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V. Bài báo trên tạp chí Quốc tế thuộc Scopus** | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI. Bài báo trên tạp chí Quốc tế NGOÀI ISI (nhưng có ISSN)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI. Bài báo trên tạp chí Quốc gia thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng học hàm** | | | | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Biểu KQ3-HN*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Thông tin Hội nghị** | | **Tên bài báo** | **Tên các tác giả** | **Tác giả thuộc VNU** | **Sản phẩm từ đề tài/ dự án** (chỉ ghi mã số đề tài/dự án) | **Thuộc lĩnh vực** | **Ghi chú** |
| **Tên Hội nghị** | **Thời gian, nơi tổ chức** |
| **I. Hội nghị quốc tế thuộc lĩnh vực CNTT, Điện, Điện tử** | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II. Hội nghị quốc tế thuộc lĩnh vực khác** | | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Biểu KQ4a-SPUD*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên kết quả nghiên cứu** | **Sản phẩm từ đề tài/ dự án** (chỉ ghi mã số đề tài/dự án) | **Khách hàng tiềm năng/ Đơn vị đã nhận chuyển giao thành công** | **Giá trị hợp đồng** *(đơn vị VNĐ)* | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |

*Biểu KQ4b-PB*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Thông tin phản biện/tư vấn,…** | **Đơn vị đặt hàng/yêu cầu/sử dụng,..** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

*Biểu KQ5-GT*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giải thưởng** | **Tên tác giả** | **Nơi cấp** | **Thời gian được cấp** | **Sản phẩm từ đề tài/ dự án** (chỉ ghi mã số đề tài/dự án) | **Ghi chú** |
| **I** | **GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ** |  |  |  |  |  |
| **II** | **GIẢI THƯỞNG QUỐC GIA** |  |  |  |  |  |
| 1 | Cấp Nhà nước |  |  |  |  |  |
| 2 | Cấp ĐHQG/Địa phương |  |  |  |  |  |

*Biểu KQ6-SHTT*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hướng dẫn:** Những ô đánh dấu (\*) là thông tin bắt buộc Đề nghị Đơn vị giữ nguyên font chữ và các chỉ tiêu trong biểu báo cáo để thuận lợi cho công tác tổng hợp. Liệt kê tất cả các đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu công nghiệp, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, bản quyền tác giả đã đăng ký tính đến ngày nộp báo cáo; (4) Ghi rõ xuất xứ TSTT: đề nghị ghi rõ mã số đề tài/ chương trình/ dự án hoặc do đơn vị "tự nghiên cứu theo chức năng, nhiệm vụ" (5) Chọn một trong các lĩnh vực sau:  - Công nghệ sinh học & Khoa học Y sinh; - Công nghệ Thông tin & Truyền thông (gồm: Công nghệ thông tin, Điện - Điện tử - Vi Mạch); - Cơ khí - Tự động hóa (gồm: Cơ khí - Tự động hóa, Kỹ thuật giao thông, Kỹ thuật xây dựng); - Công nghệ Hóa học và Vật liệu; - Môi trường & Năng lượng (gồm: Môi trường, Địa chất, Năng lượng); - Khoa học Cơ bản (gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh); - Khoa học xã hội (gồm: Khoa học XH&NV, Kinh tế - Luật, Khoa học Quản lý). (8) Bắt buộc ghi một trong các giai đoạn: thẩm định hình thức/ thẩm định nội dung/ cấp bằng | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **TÁC GIẢ (\*)** | **TÊN ĐƠN ĐĂNG KÝ (\*)** | **XUẤT XỨ (\*)** | **LĨNH VỰC (\*)** | **SỐ ĐƠN (\*)** | **NGÀY NỘP ĐƠN (\*)** | **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**  *(\*)* | **SỐ BẰNG** *(Nếu đã được cấp bằng)* | **TÌNH HÌNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ** | | | |
| **Hình Thức CGCN** | **Tên Đối Tác Nhận Chuyển Giao** | **Giá Trị Chuyển Giao** *(VND)* | **Kiến nghị** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Biểu KQ7-CGCN*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hướng dẫn:** Thống kê tất cả các hợp đồng CGCN của đơn vị và các đơn vị thành viên bao gồm cả các doanh nghiệp có góp vốn, cổ phần (4) Ghi rõ xuất xứ của sản phẩm CGCN: đề nghị ghi rõ mã số đề tài/ chương trình/ dự án hoặc "sản phảm do đơn vị tự nghiên cứu và phát triển theo chức năng, nhiệm vụ" (5) Chọn một trong các lĩnh vực sau:  - Công nghệ sinh học & Khoa học Y sinh; - Công nghệ Thông tin & Truyền thông (gồm: Công nghệ thông tin, Điện - Điện tử - Vi Mạch); - Cơ khí - Tự động hóa (gồm: Cơ khí - Tự động hóa, Kỹ thuật giao thông, Kỹ thuật xây dựng); - Công nghệ Hóa học và Vật liệu; - Môi trường & Năng lượng (gồm: Môi trường, Địa chất, Năng lượng); - Khoa học Cơ bản (gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh); - Khoa học xã hội (gồm: Khoa học XH&NV, Kinh tế - Luật, Khoa học Quản lý). (7) Chọn một trong các loại hình: Chuyển giao công nghệ (CGCN), Dịch vụ kỹ thuật (DVKT), Tư vấn (TV), Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (ĐT), Khác. | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Số hợp đồng** | **Nội dung** | **Xuất xứ sản phẩm CGCN** *(Nếu có)* | **Lĩnh vực** | **Tên đối tác** | **Loại hình HĐ** | **Thời gian thực hiện** | **Giá trị hợp đồng** | **Giá trị thu được đến thời điểm báo cáo** | **Kiến nghị** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Biểu KQ8-DTDA*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ KH&CN**  **(Chỉ liệt kê các nhiệm vụ KH&CN mà trưởng nhóm nghiên cứu tham gia với tư cách là chủ nhiệm)** | **Mã số** | **Chủ nhiệm** | **Kinh phí *(triệu đồng)*** | **Thời gian thực hiện** | | **Nghiệm thu** | |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** | **Ngày NT** | **Xếp loại** |
| **Năm 20..** | | | | | | | | |
| **I** | **Đề tài, dự án cấp quốc gia** |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Đề tài, dự án cấp ĐHQG-HCM** |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Đề tài, dự án hợp tác KH&CN** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đề tài, dự án hợp tác quốc tế |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đề tài, dự án cấp Tỉnh/Thành phố |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Do TP.HCM quân lý* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Do các tỉnh quản lý* |  |  |  |  |  |  |  |
| **Năm 20..** | | | | | | | | |
| **I** | **Đề tài, dự án cấp quốc gia** |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Đề tài, dự án cấp ĐHQG-HCM** |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Đề tài, dự án hợp tác KH&CN** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đề tài, dự án hợp tác quốc tế |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đề tài, dự án cấp Tỉnh/Thành phố |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Do TP.HCM quân lý* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Do các tỉnh quản lý* |  |  |  |  |  |  |  |

1. Hệ số tiền công theo ngày được hướng dẫn tại công văn số 1567/ĐHQG-KHCN ngày 04/9/2015 của ĐHQG-HCM

   Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định. [↑](#footnote-ref-1)